



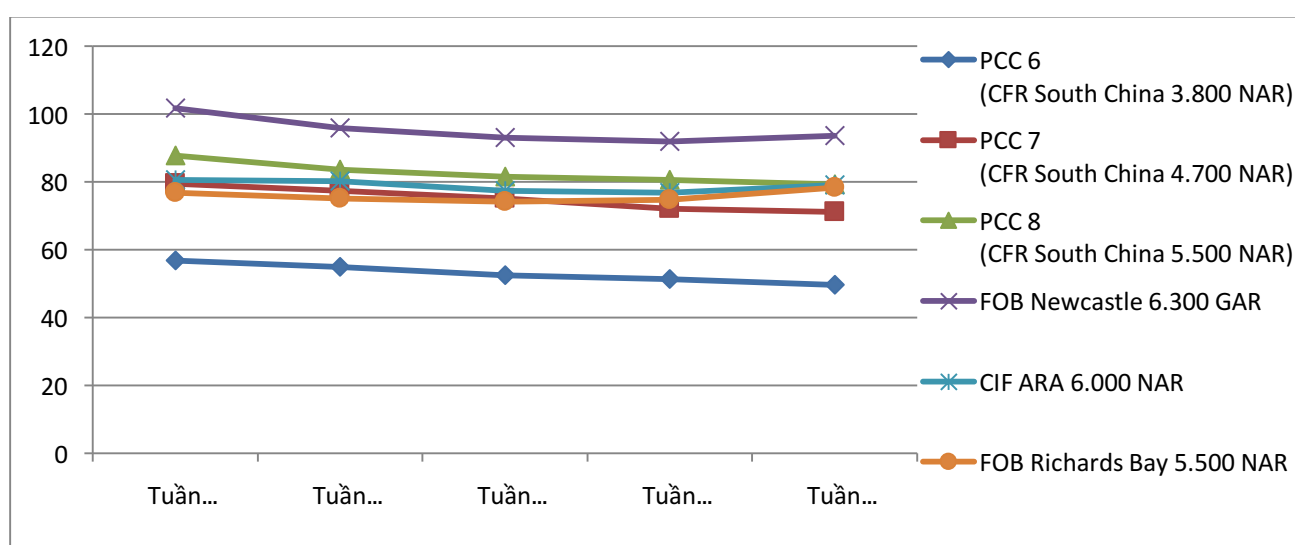
**TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM**  
**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM**  
**BẢN TIN THAN THÁNG 3**  
 (Từ 01/03 – 31/03/2018)

**I. PHÂN TÍCH THỊ TRƯỜNG THAN**

**1. GIÁ THAN KHU VỰC**

*Đơn vị tính: USD/tấn*

Chỉ số giá	Tuần 5/03-9/03	Tuần 12/03-16/03	Tuần 19/03-23/03	Tuần 26/03-30/03	Tuần 02/04-06/04
PCC 6 (CFR South China 3,800 NAR)	56,84	54,94	52,46	51,45	49,73
PCC 7 (CFR South China 4,700 NAR)	79,43	77,43	75,20	72,15	71,18
PCC 8 (CFR South China 5,500 NAR)	87,79	83,62	81,52	80,58	79,25
FOB Newcastle 6,300 GAR	101,79	95,98	93,10	91,88	93,68
CIF ARA 6,000 NAR	80,60	80,30	77,51	76,83	79,12
FOB Richards Bay 5,500 NAR	76,85	75,08	74,25	74,83	78,42
NEWC (FOB Newcastle 6000 NAR)	100,96	95,49	92,55	90,79	92,18



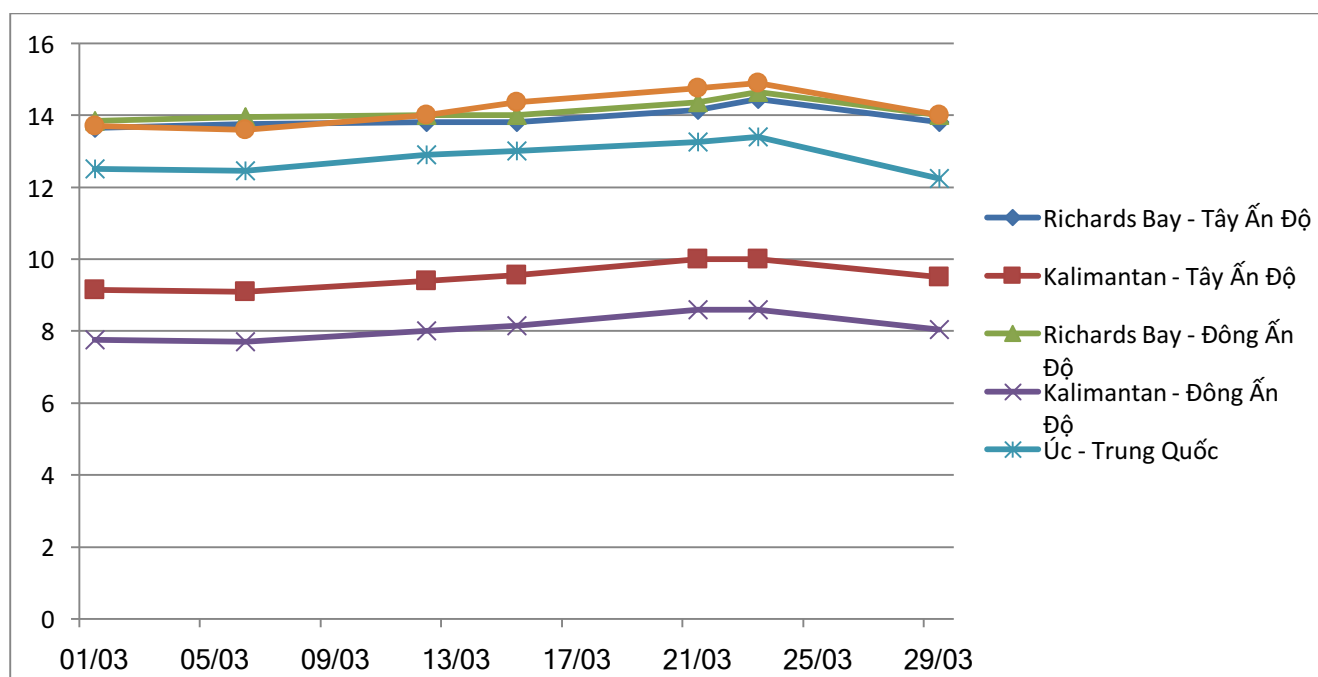
**Biểu đồ 1: Giá than trung bình khu vực đến tháng 3 (2018)**

*(Nguồn: Platts Coal Trader International)*

**2. CUỘC VẬN TẢI ĐƯỜNG BIỂN QUỐC TẾ**

Đơn vị: USD/tấn

Cước vận tải tháng 3	01/03	06/03	12/03	15/03	21/03	23/03	29/03
<b>Tàu Capesize (150.000 tấn)</b>							
1 Úc – Trung Quốc	7,55	8,00	7,50	7,30	7,15	7,45	7,05
2 Queensland – Nhật Bản	8,80	9,20	8,70	8,50	8,35	8,65	8,15
3 New South Wales – Hàn Quốc	9,30	9,75	9,25	9,05	8,90	9,20	8,70
<b>Tàu Panamax (70.000 tấn)</b>							
1 Richards Bay - Tây Ấn Độ	13,65	13,75	13,80	13,80	14,15	14,45	13,80
2 Kalimantan - Tây Ấn Độ	9,15	9,10	9,40	9,55	10,00	10,00	9,50
3 Richards Bay - Đông Ấn Độ	13,85	13,95	14,00	14,00	14,35	14,65	14,00
4 Kalimantan - Đông Ấn Độ	7,75	7,70	8,00	8,15	8,60	8,60	8,05
5 Úc - Trung Quốc	12,50	12,45	12,90	13,00	13,25	13,40	12,25
6 Úc - Ấn Độ	13,70	13,60	14,00	14,35	14,75	14,90	14,00



Biểu đồ 2: Giá cước vận tải quốc tế tháng 3 (2018)

(Nguồn: Platts Coal Trader International)

## II. ĐIỂM TIN

### Trung Quốc trở lại thực hiện chính sách hạn chế nhập khẩu than tại tỉnh Phúc Kiến

Thị trường than nhiệt Châu Á vừa nhận được thông tin gây chấn động, khi Trung Quốc một lần nữa thực hiện chính sách hạn chế nhập khẩu than tại một số cảng tại tỉnh Phúc Kiến. Nguồn tin cho hay, quyết định hạn chế này được phía hải quan áp dụng đột ngột, không hề đưa ra bất kỳ thông tin chính thức nào và chỉ được thông báo cho các đại lý vận tải tại địa phương. Đây có thể được coi như dấu hiệu của Chính phủ Trung Quốc về chính sách quản lý thị trường bằng các quy tắc nghiêm ngặt, khi thị trường hiện nay đang thừa cung.

Mặc dù không có bất cứ thông báo chính thức nào được đưa ra liên quan đến việc hạn chế nhập khẩu, nhưng điều này sẽ làm chậm các hoạt động thông quan, tương tự như những gì đã xảy ra hồi năm ngoái. Tuy nhiên, thị trường than nhiệt sẽ không bị ảnh hưởng gì nhiều do lượng than

dự trữ vẫn đang ở mức cao. Giá FOB cho than nội địa nhiệt trị 5500 kcal/kg NAR đang giảm còn 585-590 NDT/tấn, trong khi than nhiệt trị 5000 kcal/kg NAR được giao dịch ở mức khoảng 525-530 NDT/tấn. Được biết, để khắc phục tình trạng thừa cung (không có tàu để giải phóng hàng), giảm giá là điều cần thiết.

Ngoài ra các tàu hàng cỡ Capesize đang bị hạn chế khi vận chuyển than vào một số cảng ở Phúc Kiến, trong khi tàu Panamax vẫn được phép lưu thông. Các nhà nhập khẩu mong đợi chính sách hạn chế này sẽ có tác động lên nguồn than từ thị trường Australia, tuy nhiên họ vẫn chưa nhìn thấy sự thay đổi nhiều về giá than Newcastle 5500 kcal/kg NAR. Được biết, giá cho than Australian nhiệt trị 5500 kcal/kg NAR giao vào tháng 4 bằng tàu Capesize đang được giao dịch ở mức 71 USD/tấn.

### **Giá than Indonesia tiếp tục giảm**

Theo thông tin từ một công ty thương mại trụ sở tại Tây Ấn, than nhiệt trị 4200 kcal/kg GAR từ Đông Kalimantan được nhập khẩu vào Ấn Độ tuần trước với giá 43 USD/tấn FOB cho tàu có cầu và 43,50 USD/tấn FOB cho than từ Nam Kalimantan với nhiệt trị tương và giao trên tàu không cầu. Tuần này giá than được chào ở mức 40 USD/tấn FOB, tuy nhiên theo rà soát không nhà cung cấp nào sẵn sàng giao dịch với giá dưới mức 41,50 USD/tấn FOB giao trên tàu không cầu. Tuy phía Ấn Độ đang có lượng than dự trữ ở mức thấp và buộc phải nhập khẩu than, nhưng số lượng giao dịch là rất ít vì tâm lý mong chờ giá sẽ giảm thêm trong thời gian tới. Trong khi đó, ở Indonesia hiện nay việc khai thác than đang gặp khó khăn do tình trạng mưa kéo dài, do đó xu hướng giá than giảm khiến khá nhiều người ngạc nhiên.

Theo nguồn tin, giá chào cho than nhiệt trị 5200 kcal/kg GAR với 1,4% lưu huỳnh, giao vào cuối tháng 4 đang ở mức 64-65 USD/tấn FOB và 27 USD/tấn FOB cho than nhiệt trị 3400 kcal/kg GAR. Trong khi đó, giá cho than nhiệt trị 4800 kcal/kg GAR giao hàng vào cuối tháng 4 trên tàu không cầu đang dao động trong mức 63-64 USD/tấn FOB Kalimantan.

### **Nhu cầu nhiệt điện than trên thế giới tăng 3% trong năm 2017**

Theo dữ liệu sơ bộ của Cơ quan năng lượng quốc tế (IEA), sản lượng nhiệt điện than thế giới trong năm 2017 có xu hướng tăng, chiếm tỷ trọng 37% - tương đương 1/3 trong cơ cấu nguồn điện. Trong đó, sản lượng tăng ở khu vực Châu Á và giảm ở khu vực Châu Âu và Mỹ. IEA cũng cho biết thêm, nhu cầu sử dụng điện của thế giới cũng đã tăng 3,1% vào năm 2017. Trong đó Trung Quốc và Ấn Độ chiếm 70% trong tổng nhu cầu điện năng tăng trưởng – tương đương 780 TWh, trong khi các nền kinh tế tiên tiến chỉ chiếm 10% tỷ trọng. Theo đó, nhu cầu của khối EU tăng 2,3% tương đương 75 TWh, trái ngược là Mỹ khi nhu cầu về điện giảm gần 80 TWh. Đặc biệt, sản lượng điện từ năng lượng tái tạo có xu hướng tăng mạnh, đáp ứng nhu cầu sử dụng điện, đưa tỷ trọng lên mức cao kỷ lục 25% trong cơ cấu nguồn điện. Cũng theo nguồn số liệu, sản lượng điện từ khí đốt chiếm 12% trong tổng nhu cầu điện năng tăng trưởng và nhu cầu giảm tại Mỹ đã bù đắp cho sự tăng trưởng ở những nơi khác. Nhìn chung, nhu cầu năng lượng toàn cầu đã tăng trưởng 2,1% trong năm 2017 do GDP thế giới tăng 3,7%, nâng mức phát thải carbon

toàn cầu lên mức kỷ lục mới lần đầu tiên kể từ năm 2014.

**Thống kê sản lượng điện toàn cầu năm 2017 theo các ngành**

	Tổng (TWh)	Thay đổi so với năm trước (TWh)	Chiếm (%)
Than	9.566	284	37
Năng lượng tái tạo	6.426	383	25
Gas	5.944	94	23
Hạt nhân	2.637	26	10
Dầu	997	-9	4

*(Nguồn: Platts)*